

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BÙ ĐÓP
TỈNH BÌNH PHƯỚC**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 66/2019/HSST

Ngày: 26/12/2019

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÙ ĐÓP - TỈNH BÌNH PHƯỚC

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: ông Nguyễn Quang Lâm

Các Hội thẩm nhân dân: ông Lê Văn Dũng và bà Điều Thị Hương

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: ông Lý Văn Hơn

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bù Đốp tham gia phiên tòa: ông Bùi Quang Hoàng - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 12 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bù Đốp xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 71/2019/HSST ngày 04 tháng 12 năm 2019; đối với bị cáo:

TRẦN THỊ L, sinh năm 1998; tại: tỉnh Bình Phước; HKTT: ấp T, xã T, huyện B, tỉnh Bình Phước; dân tộc: Kinh; quốc tịch: Việt Nam; tôn giáo: không; trình độ học vấn: 6/12; nghề nghiệp: Lao động tự do; con ông Nguyễn Văn C, sinh năm 1971 và bà Hoàng Thị T, sinh năm 1977; bị cáo chưa có chồng, con; tiền án: Ngày 15/8/2018, bị cáo bị Tòa án nhân dân huyện X, tỉnh Đồng Nai xử phạt 06 tháng tù cho hưởng án treo thời gian thử thách 12 tháng về tội Trộm cắp tài sản (theo bản án hình sự sơ thẩm số: 87/2018/HSST). Ngày 15/5/2019, bị cáo chấp hành xong thời gian thử thách (bị cáo được rút ngắn thời gian thử thách 01 lần với thời hạn 03 tháng và được cấp Giấy chứng nhận chấp hành xong thời gian thử thách số: 01/GCN-CQTHADS của Cơ quan Thi hành án hình sự huyện B), bị cáo đã chấp hành xong phần án phí hình sự sơ thẩm của bản án nhưng chưa được xóa án tích. Tiền sự: không; bị cáo bị tạm giam từ ngày 20/9/2019 đến nay (*bị cáo có mặt tại phiên tòa*).

- Các bị hại:

1. Hoàng Thị Hồng N, sinh năm 1992; Địa chỉ: ấp T, xã T, huyện B, tỉnh Bình Phước (có mặt).

2. Hoàng Thị Kim L, sinh năm 1987; Địa chỉ: ấp T, xã T, huyện B, tỉnh Bình Phước (có mặt).

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Nguyễn Văn Q, sinh năm 1993; Địa chỉ: thôn 5, xã T, huyện B, tỉnh Bình Phước (vắng mặt).

- *Những người làm chứng:*

1. Thái Thanh M, sinh năm 1966; Địa chỉ: khu phố T, thị trấn T, huyện B, tỉnh Bình Phước (vắng mặt).

2. Nguyễn Thị G, sinh năm 1973; Địa chỉ: thôn 2, xã T, huyện B, tỉnh Bình Phước (vắng mặt).

3. Trần Văn Cu, sinh năm 1971; Địa chỉ: ấp T, xã T, huyện B, tỉnh Bình Phước (có mặt).

4. Hoàng Thị P, sinh năm 1980; Địa chỉ: ấp T, xã T, huyện B, tỉnh Bình Phước (vắng mặt).

5. Trần Thị L, sinh năm 1975; Địa chỉ: khu phố N, thị trấn L, huyện L, tỉnh Bình Phước (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Trần Thị L là cháu gái của bà Hoàng Thị Hồng N (quan hệ Dì cháu). Trong thời gian qua lại nhà bà N, L biết gia đình bà N thường đi vắng và để tài sản (vàng trang sức) ở trong tủ quần áo nên L nảy sinh ý định lấy trộm để bán lấy tiền tiêu dùng cá nhân và mua ma túy sử dụng. Trong khoảng thời gian từ ngày 09/7/2019 đến ngày 12/7/2019, Trần Thị L đã 04(bốn) lần đến nhà bà N, lén lút lấy chìa khóa tủ quần áo treo ở trên tường, mở tủ lấy trộm vàng trang sức của bà N, cụ thể như sau:

- Ngày 09/7/2019 và ngày 10/7/2019, Linh mở tủ lấy trộm của bà N 01(một) nhẫn vàng trọng lượng 0,79 chỉ loại 18K và 01(một) nhẫn vàng trọng lượng 0,87 chỉ loại 18K đem đến tiệm vàng K ở khu phố T, trấn T, huyện B bán được 1.600.000đ(một triệu sáu trăm nghìn đồng) và 1.800.000đ(một triệu tám trăm nghìn đồng).

- Ngày 11/7/2019, L mở tủ lấy trộm của bà N 01(một) vòng đeo tay kiểu khóa đồng tiền bằng vàng có trọng lượng 2,565 chỉ loại 18K đem đến tiệm vàng K T ở thôn 2, xã T, huyện B bán được 2.300.000đ(hai triệu ba trăm nghìn đồng).

- Ngày 12/7/2019, L mở tủ lấy trộm của bà N 01(một) dây chuyền vàng (mua tại Malaysia ngày 13/02/2018 trị giá 1.050 Ringgit-tiền Malaysia). Sau đó, L đến tiệm vàng N ở ấp T, xã T, huyện B bán được 5.700.000đ(năm triệu bảy trăm nghìn đồng).

Sau khi bị mất tài sản, bà N nghi ngờ L lấy trộm tài sản nên làm đơn tố cáo gửi Công an huyện để làm rõ. Qua xác minh, khám nghiệm hiện trường, Cơ quan điều tra xác định Trần Thị L là người đã thực hiện hành vi phạm tội, đồng thời L cũng đã thừa nhận hành vi phạm tội của mình. Cơ quan điều tra đã thu giữ các giấy tờ mua bán vàng của bà Hoàng Thị Hồng N để xác minh làm rõ nguồn gốc số vàng của bà N là mua tại tiệm vàng

H ở đường 7 tháng 4 chợ L, tỉnh Bình Phước (có giấy tờ bán vàng của tiệm vàng), 01(một) sợi dây chuyền vàng bà N mua ở Malaysia khi đi du lịch ngày 13/02/2018 (có giấy tờ mua bán); đồng thời trưng cầu định giá tài sản.

Kết luận định giá tài sản số 52/2019/BKL-ĐGTS ngày 28/7/2019 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện B xác định:

- 01(một) nhẫn vàng, loại 18K, trọng lượng 0,79 chỉ, có giá trị là 1.935.500đ(một triệu chín trăm ba mươi năm nghìn năm trăm đồng);

- 01(một) nhẫn vàng loại 18K, trọng lượng 0,87 chỉ có giá trị là 2.131.500đ(hai triệu một trăm ba mươi một nghìn năm trăm đồng);

- 01(một) vòng đeo tay kiểu khóa đồng tiền bằng vàng loại 18K, trọng lượng 2,565 chỉ có giá trị là 6.284.250đ(sáu triệu hai trăm tám mươi bốn nghìn hai trăm năm mươi đồng);

- 01(một) dây chuyền bằng kim loại màu vàng, mua tại Malaysia với giá 1,050.00 đô la Malaysia (Ringgit), với tỉ giá ngoại tệ là 5.616,508 MYR/VNĐ có giá trị là 5.897.333 đ(năm triệu tám trăm chín mươi bảy nghìn ba trăm ba mươi ba đồng).

Tổng trị giá tài sản là 16.248.583đồng.

Trong thời gian được tại ngoại để điều tra, bị cáo Trần Thị L tiếp tục phạm tội trộm cắp tài sản như sau: Ngày 19/9/2019, Trần Thị L đến nhà bà Hoàng Thị Kim Lu (là Dì ruột của L) chơi. Khi đi vào phòng ngủ, L lén lút lấy trộm 01(một) điện thoại di động hiệu OPPO F1S màu hồng để trên bàn học sinh. Sau đó, L đem điện thoại bán cho Nguyễn Văn Q với giá 700.000đồng. Đến ngày 30/9/2019, bà Lu liên lạc với Q để chuộc lại chiếc điện thoại trên. Khi Q đem điện thoại đến gặp bà Lu để chuộc thì bị bà Lu báo Công an xã T, huyện B đến làm việc, tạm giữ điện thoại, bàn giao Q và tang vật cho Cơ quan điều tra Công an huyện B để xử lý.

Tại bản kết luận định giá tài sản số: 01/2019/BKL-ĐGTS ngày 07/10/2019 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện B xác định tại thời điểm ngày 19/9/2019 có giá là 1.497.000đ(một triệu bốn trăm chín mươi bảy nghìn đồng).

Cáo trạng số: 02/CTr - VKS ngày 03/12/2019 của Viện kiểm sát nhân dân huyện B, tỉnh Bình Phước truy tố bị cáo Trần Thị L về tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 của Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa:

Bị cáo thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như nội dung bản cáo trạng Viện kiểm sát nhân dân huyện B đã truy tố và kết luận và xin HĐXX giảm nhẹ hình phạt.

Các bị hại không tham gia tranh luận, không có yêu cầu gì.

Đại diện Viện kiểm sát, sau khi xem xét các chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra công khai tại phiên tòa, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố bị cáo như nội dung bản cáo trạng; đề nghị HĐXX tuyên bố bị cáo phạm tội “Trộm cắp tài sản”; và đề nghị: HĐXX áp dụng khoản 1 Điều 173, điểm s

khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g, h khoản 1 Điều 52; Điều 38 của Bộ luật hình sự và đề xuất mức hình phạt đối với bị cáo từ 12 đến 18 tháng tù.

Căn cứ vào các chứng cứ đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện ý kiến của Kiểm sát viên, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về tố tụng: Hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan Cảnh sát điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa hôm nay các bị cáo không có ý kiến hay khiếu nại gì về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng và những người làm chứng. Do đó, hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng được thực hiện theo đúng quy định pháp luật.

[2] Về nội dung vụ án: Trong khoảng thời gian từ ngày 09/7/2019 đến ngày 19/9/2019, tại xã T, huyện B, bị cáo Trần Thị L đã lợi dụng mối quan hệ di cháu thân thiết và việc vắng nhà của bà Lu và bà N (là hai người di của bị cáo), bị cáo đã lén lút, chiếm đoạt tài sản của các bị hại là 02 nhẫn vàng, 01 dây chuyền vàng và 01 vòng vàng đeo tay, 01 điện thoại di động hiệu OPPO F1S màu hồng.

Kết luận định giá tài sản số 52/2019/BKL-DGTS ngày 28/7/2019 và số 01/2019/BKL-DGTS ngày 07/10/2019 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện B xác định: tổng giá trị tài sản bị cáo chiếm đoạt là 17.745.583đ (mười bảy triệu bảy trăm bốn mươi năm nghìn năm trăm tám mươi ba đồng). Do đó, hành vi của bị cáo đã phạm vào tội “Trộm cắp tài sản”, tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật hình sự như Viện kiểm sát nhân dân huyện B đã truy tố.

[3] Xét tính chất, mức độ của hành vi: Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm trực tiếp đến quyền sở hữu tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ; ngoài ra còn gây ảnh hưởng xấu đến trật tự an toàn xã hội tại địa phương. Bị cáo là người đã thành niên, có sức khỏe, nhận thức rõ hành vi của mình là vi phạm pháp luật. Nhưng vì mục đích tư lợi, muốn có tiền để tiêu xài cá nhân và sử dụng ma túy mà bị cáo đã cố ý thực hiện hành vi phạm tội của mình, do đó bị cáo phải chịu trách nhiệm hình sự về hành vi của mình.

[4] Tình tiết tăng nặng: Bị cáo đã thực hiện 05(năm) lần chiếm đoạt tài sản. Mỗi một lần thực hiện đều đủ yếu tố cấu thành tội phạm nên bị cáo phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự là “phạm tội từ 02 lần trở lên” theo điểm g khoản 1 Điều 52 của

Bộ luật Hình sự. Ngoài ra, ngày 15/8/2018, bị cáo bị Tòa án nhân dân huyện X, tỉnh Đồng Nai xử phạt 06 tháng tù cho hưởng án treo thời gian thử thách 12 tháng về tội Trộm cắp tài sản (theo bản án hình sự sơ thẩm số 87/2018HSST). Ngày 15/5/2019, bị cáo chấp hành xong thời gian thử thách (bị cáo được rút ngắn thời gian thử thách 01 lần với thời hạn 03 tháng và được cấp Giấy chứng nhận chấp hành xong thời gian thử thách số: 01/GCN-CQTHADS của Cơ quan Thi hành án hình sự huyện B), bị cáo đã chấp hành xong phần án phí hình sự sơ thẩm của bản án nhưng chưa được xóa án tích nên lần phạm tội này, bị cáo phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự là “tái phạm” theo điểm h khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự. Do vậy, việc áp dụng hình phạt tù có thời hạn đối với bị cáo là cần thiết, nhằm cải tạo giáo dục bị cáo có ý thức tôn trọng pháp luật, tôn trọng tài sản của người khác và phòng ngừa chung khi mà tình hình trộm cắp trên địa bàn huyện B gần đây ngày càng gia tăng, phức tạp và xảy ra ngày càng nhiều.

[5] Tình tiết giảm nhẹ: Tại phiên tòa cũng như trong quá trình điều tra, bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình, một phần tài sản đã được thu hồi và trả lại cho bị hại. Đây là các tình tiết giảm nhẹ hình phạt được quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự.

Đối với những người kinh doanh vàng ở các tiệm vàng N, K T, K đã mua vàng do bị cáo Trần Thị L phạm tội mà có, nhưng sau đó đã sử dụng chế tác kinh doanh nên không thu hồi được, những người này không biết số vàng nữ trang này là tài sản do người khác phạm tội mà có nên không có căn cứ để xử lý về hành vi tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có. Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện B không đề cập xử lý là đúng quy định của pháp luật. Hội đồng xét xử không xem xét.

Đối với Nguyễn Văn Q không biết điện thoại do bị cáo Trần Thị L đem bán là tài sản trộm cắp. Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện B không đề cập xử lý là đúng quy định của pháp luật. Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Trách nhiệm dân sự: Quá trình xét xử các bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có yêu cầu gì; HĐXX không xem xét.

[7] Về vật chứng: 01(một) chiếc điện thoại di động OPPO F1S màu hồng của bị hại bà Hoàng Thị Kim Lu. Ngày 08/10/2019, Cơ quan điều tra Công an huyện B đã trả lại chiếc điện thoại di động OPPO F1S màu hồng cho bà Hoàng Thị Kim Lu là đúng theo quy định của pháp luật. Hội đồng xét xử không xem xét lại.

[8] Xét, sự đề xuất về mức hình phạt của đại diện Viện kiểm sát đối với bị cáo và các vấn đề khác trong vụ án là có cơ sở, phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử. Hội đồng xét xử chấp nhận.

Án phí: Bị cáo phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố Trần Thị L phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; các điểm g, h khoản 1 Điều 52; Điều 50, Điều 38 của Bộ luật hình sự.

Xử phạt Trần Thị L 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 20/9/2019.

2. Trách nhiệm dân sự: Không đặt ra

3. Vật chứng: Không đặt ra.

4. Án phí: Áp dụng Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án.

Bị cáo phải chịu 200.000đ (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

Bị cáo, bị hại có mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết công khai.

Nơi nhận:

- TAND Bình Phước;
- VKSND huyện Bù Đốp;
- Công an huyện Bù Đốp;
- Chi cục THADS huyện Bù Đốp;
- Bị cáo;
- Các đương sự;
- Lưu.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(đã ký)

Nguyễn Quang Lâm